

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Mỹ Bình

2. Ngày tháng năm sinh: 02/10/1979; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Chi Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): CH 1203A KPH Mandarin Garden, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 1203-A1, Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0977901559;

E-mail: binhntm@fit-hau.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 12 năm 2001 đến tháng 02 năm 2003: Giảng dạy hợp đồng, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội;

- Từ tháng 03 năm 2003 đến tháng 01 năm 2006: Giáo viên, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 2 năm 2006 đến tháng 04 năm 2021: Giảng viên, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Từ ngày 06 tháng 04 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024: Trưởng bộ môn Công nghệ phần mềm, Khoa Công nghệ thông tin, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

- Từ tháng 01 năm 2025 đến nay: Phó trưởng khoa, Khoa Công nghệ phần mềm, Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Chức vụ hiện nay: Phó trưởng khoa, Khoa Công nghệ phần mềm, Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa, Khoa Công nghệ phần mềm, Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội;

Địa chỉ cơ quan: số 298 đường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội;

Điện thoại cơ quan: 02437655121;

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):.....

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 07 năm 2001; số văn bằng: B321331; ngành: Toán-Tin, chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng ThS ngày 03 tháng 04 năm 2006; số văn bằng: 001705; ngành: Công nghệ Thông tin, chuyên ngành: Công nghệ Thông tin; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam;

- Được cấp bằng TS ngày 07 tháng 05 năm 2021; số văn bằng: D000674; ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính; Nơi cấp bằng TS: Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm, ngành:.....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu chính của ứng viên là “Nghiên cứu và phát triển các phương pháp tối ưu hóa tính toán trong hệ thống mạng cảm biến, IoTs và phương tiện thông minh”, với mục tiêu phát triển các thuật toán tối ưu từ phương pháp chính xác đến xấp xỉ (heuristic, metaheuristic) và kết hợp – có khả năng thích ứng, học hỏi và mở rộng trong môi trường vận hành biến động của IoTs. Nội dung hướng nghiên cứu này được ứng viên phát triển theo hai hướng nghiên cứu chủ yếu như sau:

- *Phát triển các phương pháp tối ưu hóa tính toán cho mạng cảm biến không dây và hệ thống IoTs* được thúc đẩy bởi những thách thức sau: mạng cảm biến thường hoạt động trong môi trường phân tán, động và hạn chế nghiêm ngặt về năng lượng, tính toán, băng thông. Các bài toán như bao phủ rào chắn mạng, đường đi tối thiểu phơi nhiễm hay tối đa hóa tuổi thọ mạng thường là NP-hard. Do đó, nghiên cứu phát triển các giải pháp heuristic, metaheuristic và phương pháp chính xác có độ phức tạp thấp là cần thiết để tìm lời giải gần tối ưu với chi phí tính toán hợp lý, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và khả năng mở rộng của hệ thống. Kết quả nghiên cứu: 16 bài báo/báo cáo khoa học, trong đó có 06 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- *Kết hợp tối ưu hóa với học máy/học tăng cường trong các hệ thống thông minh* xuất phát từ nhu cầu xây dựng các giải pháp tối ưu có khả năng thích nghi với môi trường thay đổi và học hỏi từ dữ liệu theo thời gian. Trong nhiều bài toán thực tế, thông tin đầu vào không đầy đủ, phân bố không cố định và môi trường vận hành có tính không chắc chắn cao. Việc tích hợp các thuật toán tối ưu với học máy hoặc học tăng cường giúp hệ thống không chỉ tìm lời giải tốt mà còn cải thiện dần hiệu quả qua quá trình huấn luyện và tương tác, mở ra hướng tiếp cận linh hoạt, mạnh mẽ và thông minh hơn cho các bài toán phức tạp. Kết quả nghiên cứu: 09 bài báo/báo cáo khoa học trong đó có 02 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín và 01 chương sách.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **0** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **03** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **02** đề tài cấp Trường; tham gia thực hiện **01** đề tài cấp Bộ;
- Đã hướng dẫn (số lượng) **02** nhóm sinh viên thực hiện nhiệm vụ sinh viên nghiên cứu khoa học năm 2024-2025
- Đã công bố (số lượng) **25** bài báo/báo cáo khoa học trên các tạp chí và kỷ yếu hội nghị, trong đó có **08** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế uy tín (05 bài Q1, 03 bài Q2) và **03** bài báo khoa học trên tạp chí uy tín trong nước.
- Đã được cấp (số lượng) **0** bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích; 

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Số lượng sách đã xuất bản **01** và **03** chương sách được đăng bởi các nhà xuất bản có uy tín-Springer Nature;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: **0**.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đạt danh hiệu ‘Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021’
- Giấy khen của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đạt danh hiệu ‘Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022’
- Bằng khen toàn diện của Bộ trưởng Bộ Công Thương năm 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Chính trị, tư tưởng:

Ứng viên có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Luôn nghiêm túc chấp hành và tích cực tuyên truyền, vận động gia đình và cộng đồng thực hiện các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Ứng viên thể hiện thái độ chủ động, gương mẫu trong việc đấu tranh phòng chống suy thoái về tư tưởng chính trị, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng. Việc thực hiện lời nói đi đôi với hành động, tuân thủ nghiêm pháp luật Nhà nước và các quy định của địa phương, cơ quan công tác là phương châm hành động xuyên suốt của ứng viên..

- Đạo đức, lối sống:

Ứng viên luôn ý thức rèn luyện và giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh, thể hiện vai trò tiên phong, gương mẫu của người giảng viên trong mọi hoạt động chuyên môn và xã hội. Ứng viên cầu thị, lắng nghe và nghiêm túc tiếp thu các ý kiến đóng góp từ đồng nghiệp và sinh viên nhằm hoàn thiện bản thân. Trong công việc, luôn trung thực, khách quan, công bằng; có tinh thần hợp tác, sẵn sàng hỗ trợ đồng nghiệp và sinh viên. Ứng xử đúng mực, xây dựng môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết và nghiêm túc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức.

- Quá trình đào tạo và năng lực công tác:

- Quá trình đào tạo: Ứng viên được đào tạo bài bản tại các cơ sở giáo dục đại học có uy tín trong nước. Cụ thể: tốt nghiệp đại học tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội; hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ tại Đại học Bách khoa Hà Nội. Ngoài ra, ứng viên đã tham gia đầy đủ các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm và các lớp bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh giảng viên, giảng viên chính. Các kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm tích lũy qua quá trình học tập và bồi dưỡng đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, nghiên cứu và quản lý của ứng viên.

- Năng lực công tác:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

✓ **Năng lực chuyên môn:** Với vai trò giảng viên, ứng viên luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của Nhà trường. Ứng viên chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực áp dụng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Trong công tác xây dựng chương trình đào tạo, ứng viên đã được phân công chủ trì hoặc tham gia các nhóm biên soạn, cập nhật chương trình đào tạo của Khoa. Ứng viên cũng là thành viên nòng cốt của nhóm nghiên cứu về mô hình hóa, mô phỏng và tối ưu tại đơn vị, với nhiều kết quả đã được công bố. Nhóm nghiên cứu góp phần xây dựng môi trường học thuật năng động, thu hút sinh viên và giảng viên trẻ tham gia nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, ứng viên tích cực tham gia phản biện cho các tạp chí khoa học và hội thảo chuyên ngành trong và ngoài nước..

✓ **Năng lực quản lý:** Trên cương vị Phó Bí thư Chi bộ và Phó Trưởng Khoa, ứng viên đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phối hợp chặt chẽ trong công tác lãnh đạo, điều hành hoạt động của đơn vị, góp phần xây dựng tập thể đoàn kết, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Việc lập kế hoạch, tổ chức triển khai các hoạt động được thực hiện khoa học, hiệu quả, đảm bảo đúng định hướng phát triển của Khoa và Nhà trường.

Đối chiếu với các tiêu chuẩn, yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực công tác theo quy định hiện hành, ứng viên tự nhận thấy bản thân đáp ứng tốt các yêu cầu theo quy định.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **19** năm **4** tháng, tính từ tháng 01/2006 đến nay.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020	0	0	0	02	330	0	330/370/270
2	2020-2021	0	0	0	10	330	0	330/452/270
3	2021-2022	0	0	0	15	285	0	285/428.5/270
4	2022-2023	0	0	0	17	315	30	345/541.8/216
5	2023-2024	0	0	02	20	180	120	300/615/224
6	2024-2025	0	0	02	10	225	60	285/615/224

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án ☐ TS hoặc ☐ TSKH; tại nước:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 (năm 2019)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Văn Hôm		HVCH	✓		Từ 08/01/2024 đến 08/04/2024	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	11/06/2025 ; 907/QĐ-ĐHCN
2	Đỗ Thị Ngọc Huyền		HVCH	✓		Từ 31/12/2024 đến 31/03/2025	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	11/06/2025 ; 907/QĐ-ĐHCN
3	Nguyễn Quý Long		HVCH	✓		Từ 31/12/2024 đến 31/03/2025	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	11/06/2025 ; 907/QĐ-ĐHCN

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
	Đồ họa ứng dụng 1	GT	Nhà xuất bản Thống kê, năm 2019	3		Phần 3 từ trang 106 đến 122	Số 39/GXN-ĐHCN, ngày 18/06/2025
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
1	Tối ưu hóa việc thiết kế mạng cảm biến không dây theo mô hình các hàng rào cảm biến biến trong IoT bằng thuật toán Metaheuristic	CN	28-2021-RD/HĐ- ĐHCN; Cấp cơ sở	2021- 2022	(27/12/2022)/Khá
2	Tối ưu số lượng cảm biến trong mạng cảm biến không dây đa phương tiện để phát hiện đối tượng xâm nhập bằng kỹ thuật Heuristic	CN	25-2022-RD/HĐ- ĐHCN; Cấp cơ sở	2022- 2023	(21/01/2025)/Đạt

3	Thuật toán tiến hóa đa nhiệm (Multi-object Evolutionary Algorithm) trong bài toán tối ưu liên kết trong mạng đa miền có kiến trúc phân lớp	Tham gia	B2021-TTB-01/3813/QĐ-BGDĐT ngày 20/11/2020	2020-2022	29/03/2023/Đạt
---	--	----------	--	-----------	----------------

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Heuristic algorithm for finding maximal breach path in wireless sensor network with omnidirectional sensors	4	X	2016 IEEE Region 10 Humanitarian Technology Conference (R10-HTC) ISBN:978-1-5090-4177-0	Scopus	1	Pages: 1-6	12/2016
	https://ieeexplore.ieee.org/abstract/document/7906861							
2	Genetic algorithm for solving minimal exposure path in mobile sensor networks	4	X	Proceedings of the 11th International Symposium on Information and Communication Technology ISBN: 978-1-5386-2726-6 Electronic ISSN: 2770-0097	Scopus	4	Pages 2945-2952	11/2017
	https://ieeexplore.ieee.org/abstract/document/8285402							

3	Efficient approximation approaches to minimal exposure path problem in probabilistic coverage model for wireless sensor networks	5	X	Applied Soft Computing Print ISSN: 1568-4946 Electronic ISSN: 1872-9681	Scopus (SCIE, Q1, IF 7.2)	17	Volume 76, Pages 726-743	3/2019
https://doi.org/10.1016/j.asoc.2018.12.022								
4	An efficient approximate algorithm for achieving (k- ω) barrier coverage in camera wireless sensor networks. In Artificial Intelligence and Machine Learning for Multi-Domain Operations Applications (Vol. 11006, pp. 387-399). SPIE.	6	X	Artificial Intelligence and Machine Learning for Multi-Domain Operations Applications Print ISSN: 0277-786X Electronic ISSN: 1996-756X Print ISBN: 978-1-5106-2677-5 Electronic ISBN: 978-1-5106-2678-2	Scopus	2	Volume 11006; Pages: 110061-1100613	5/2029
https://doi.org/10.1117/12.2519272								
5	Efficient meta-heuristic approaches in solving minimal exposure path problem for	3	X	Applied Intelligence Print ISSN: 0924 669X Electronic ISSN: 1573 7497	Scopus (SCIE, Q2, IF 5.086)	9	Volume 50, pages 1889–1907	2/2020

	heterogeneous wireless multimedia sensor networks in Internet of Things							
	https://link.springer.com/article/10.1007/s10489-019-01628-9							
6	An elite hybrid particle swarm optimization for solving minimal exposure path problem in mobile wireless sensor networks	6	X	Sensors Electronic ISSN: 1424-8220	Scopus (SCIE, Q1, IF 3.576)	19	Sensors 2020, 20(9), Pages: 2586-2611;	5/2020
	https://doi.org/10.3390/s20092586							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS							
7	Maximizing lifetime of heterogeneous wireless turnable camera sensor networks ensuring strong barrier coverage	5	X	Journal of Computer Science and Cybernetics Print ISSN:1813-9663 Electronic ISSN: 2815-5939		5	Volume. 37, No. 1, Pages 57-70	03/2021
	https://doi.org/10.15625/1813-9663/37/1/15858							
8	Về một mô hình học chuyển giao trên hệ suy diễn mờ phức	6		Hội thảo Quốc Gia lần thứ XXIV ISBN: 978-604-67-2100-0			Trang 616-621	12/2021

9	A family system-based evolutionary algorithm for obstacle-evasion minimal exposure path problem in Internet of Things	5	X	Expert Systems and Applications Print ISSN 0957-4174 Electronic ISSN 1873-6793	Scopus Q1 (SCIE, IF 7.5, 2024)	3	Volume 200 Pages 116943-116957	08/2022
https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0957417422003736								
10	A novel transfer learning model on complex fuzzy inference system	6		Journal of Intelligent & fuzzy systems Print ISSN: 1064-1246 Electronic ISSN: 1875-8967	Scopus (Q2, IF 1.2)	3	Volume 44, Issue 3, Pages 3733-3750	11/2022
https://journals.sagepub.com/doi/abs/10.3233/JIFS-222582								
11	Investigate Evolutionary Strategies for Black-box Attacks to Deepfake Forensic Systems	5	X	Proceedings of the 11th International Symposium on Information and Communication Technology ISBN: 978-1-4503-9725-4	Scopus	2	Pages 126 - 133	12/2022
https://doi.org/10.1145/3568562.3568666								
12	Using Graph Convolution Neural Networks for Solving Mixed Integer Linear Programs	4	X	Tạp chí Công nghệ thông tin và Truyền thông- Bộ Công nghệ thông tin và Truyền thông (Journal on Information Technologies and Communications) Print ISSN: 1859-3550			Tập 2022, số 2, Trang 95-100	12/2022

13	An Efficient Approach to the k-Strong Barrier Coverage Problem Under the Probabilistic Sensing Model in Wireless Multimedia Sensor Networks	4	X	Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering Print ISBN: 978-3-031-55992-1 Electronic ISBN: 978-3-031-55993-8	Scopus Q4	1	Vol 558 Pages 167-180	3/2024
https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-55993-8_13								
14	An Efficient Method for Solving the Best Coverage Path Problem in Homogeneous Wireless Ad-Hoc Sensor Networks	4	X	Lecture Notes of the Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering Print ISBN: 978-3-031-55992-1 Electronic ISBN: 978-3-031-55993-8	Scopus Q4	3	Vol 558 Pages 181-195	3/2024
https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-55993-8_14								
15	On the Performance of User Association in Space-Ground Communications with Integer-Coded Genetic Algorithms.	5		Proceedings of the Genetic and Evolutionary Computation Conference (GECCO) Print ISBN: 979-8-4007-0494-9 Electronic ISBN: 979-8-4007-0495-6	Scopus (Rank A)		Pages: 1373-1380	7/2024
https://dl.acm.org/doi/abs/10.1145/3638529.3654083								

16	Efficient Approaches for Drone-Assisted Vehicle Parcel Delivery Routing Problems in IoT Logistics Ensuring Optimized Energy Consumption	4	X	Lecture Notes on Data Engineering and Communications Technologies Print ISSN: 2367-4512 Electronic ISSN: 2367-4520 Print ISBN: 978-3-031-75595-8 Electronic ISBN: 978-3-031-75596-5	Scopus Q4	1	Volume 228, Pages 287–296	12/2024
https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-3-031-75593-4_26								
17	An efficient exact method with polynomial time-complexity to achieve k-strong barrier coverage in heterogeneous wireless multimedia sensor networks	5	X	Journal of Network and Computer Applications Print ISSN 1084-8045 Electronic ISSN: 10925-8592	Scopus Q1, SCIE (IF 8.0, 2025)	4	Volume 231, pages: 103985–103998	11/2024
https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S1084804524001620								
18	An efficient discretization and transformation scheme for maximizing the secure lifetime problem in	4	X	Cluster Computing Print ISSN: 1386-7857 Electronic ISSN: 1573-7543	Scopus Q1, SCIE (IF 3.6, 2024)		Volume 28, Article number 374, Pages: 374-395	6/2025

	heterogeneous wireless rotatable camera sensor networks with barrier coverage							
	https://dx.doi.org/10.1007/s10586-025-05165-8							
19	Solving the Maximal Exposure Path Problem in Heterogeneous Directional Wireless Sensor Networks Using an Improved Genetic Algorithm	2	X	Journal of Computer Science and Cybernetics Print ISSN:1813-9663 Electronic ISSN: 2815-5939			Volume 42, Issue 2, Pages: 1-18	6/2025
	https://vjs.ac.vn/jcc/article/view/21945							
20	An innovative scheme for energy efficiency in underwater heterogeneous wireless sensor networks	2	X	Fifth International Conference on Intelligent Systems and Networks -ICISN 2025	Scopus Q4		Pages: 1-10	6/2025
21	A Multi-Objective Optimization Approach for Solving the Maximal Exposure Path Problem in HoWSNs	2	X	Fifth International Conference on Intelligent Systems and Networks -ICISN 2025	Scopus Q4		Pages: 11-21	6/2025

22	Deep-Q learning-based performance enhancement in UAV/IRS-Aided NOMA cognitive radio system	5		Fifth International Conference on Intelligent Systems and Networks -ICISN 2025	Scopus Q4		Pages: 22-32	6/2025
23	Optimized Metaheuristic Strategies for Addressing the Multi-Picker Robot Routing Problem in Warehouse Operations	3	X	Computers, Materials & Continua Print ISSN:1546-2218 Electronic ISSN:1546-2226	Scopus (Q2)		Pages: 1-15	6/2025
24	Reinforcement Learning-based Genetic Algorithm for Computation Offloading Optimization in UAV-assisted MEC Systems	5	X	The Genetic and Evolutionary Computation Conference (GECCO)	Scopus (Rank A)		Pages: 1-4	6/2025
	https://doi.org/10.1145/3712255.3726539							

25	A Weighted-Sum Approach for Multi-Objective Optimization of Strong Barrier Coverage in IoT Heterogeneous Wireless Sensor Networks	2	X	The First International Conference On Computational Intelligence In Engineering Science (ICCIES 2025)	Scopus Q4		Pages 1-14	6/2025
26	Mobile Device-Target Association Optimization for Connectivity Enhancement in Wireless IoT Sensor Networks	4		Cluster Computing	Scopus (Q1)			Round 2
27	Extending Network Lifespan and Securing Effective Barrier Coverage in 3D Underwater Wireless Sensor Networks	4	X	Cluster Computing	Scopus (Q1)			Submitted

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Tổng số bài báo/báo cáo khoa học đã đăng trên các tạp chí, kỷ yếu hội nghị là **25** bài, trong đó số bài báo đã đăng trên tạp chí quốc tế quy tín thuộc danh mục ISI, Scopus Q1 mà UV là tác giả chính sau TS là **03** bài, số thứ tự là [9], [17], [18].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo Đại học Kỹ thuật phần mềm	Chủ trì	Số 308/QĐ-ĐHCN, ngày 22/03/2022	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Số 1058/QĐ-ĐHCN, ngày 08/09/2022	Cập nhật, cải tiến chương trình tiếp cận CDIO
2	Chương trình đào tạo Đại học Kỹ thuật phần mềm	Tham gia	Số 1036/QĐ-ĐHCN, ngày 26/07/2024	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Số 387/QĐ-ĐHCN, ngày 25/03/2025	Cập nhật, cải tiến chương trình tiếp cận chuẩn ABET
3	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Hệ thống thông tin	Tham gia	Số 116/QĐ-ĐHCN, ngày 19/1/2022	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội	Số 496/QĐ-ĐHCN, ngày 19/5/2022	Cập nhật, cải tiến chương trình tiếp cận chuẩn ABET

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV ☐ chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐



Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....
- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....
- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Thị Mỹ Bình